

CHUYEN PHAP LUAN KINH

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiễn Huyền Phiên Âm.

Phật Tử Bùi Đức Huệ dịch tiếng Việt 9/2010.

=====

Taisho Tripitaka Vol. 2, No. 109 佛說轉法輪經

Taisho Tripitaka Vol. 2, No. 109 Phật thuyết Chuyên Pháp-luân Kinh.

No. 109 (No. 99(379), No. 110)

佛說轉法輪經

Phật thuyết chuyên Pháp-luân Kinh

Kinh Phật nói Chuyên bánh xe Pháp.

後漢安息三藏安世高譯

Hậu Hán An Tức Tam Tạng An-thê-cao dịch.

聞如是。一時佛在波羅奈國鹿野樹下坐。

Văn như thị. Nhất thời Phật tại Ba-la-nại quốc Lộc-dã thụ hạ tọa.

Tôi nghe như thế. Một thời Phật ngồi dưới gốc cây rừng Lộc Dã nước Ba La Nại.

時有千比丘諸天神，皆大會側塞空中。

Thời hữu thiên Tì-kheo chư Thiên Thần, giai Đại hội trắc tắc không trung.

Lúc đó có nghìn Tì Kheo các Thiên Thần, đều lập hội lớn đầy kín không trung.

於是有自然法輪。飛來當佛前轉。佛以手撫輪曰。

Ư thị hữu tự nhiên Pháp-luân. Phi lai đương Phật tiền chuyển. Phật dĩ thủ phủ luân viết.

Ở đó có nói Pháp tự nhiên. Bay tới đang di chuyển trước Phật. Phật dùng tay lần lượt vỗ về nói rằng :

止往者吾從無數劫來。為名色轉受苦無量。

Chỉ vãng giả Ngô tòng vô số Kiếp lai. Vi Danh-sắc chuyển thụ khổ vô lượng.

Dừng lại xa xưa, Ta từ vô số Kiếp tới nay. Bị Danh Sắc luân chuyển nhận vô lượng khổ.

今者癡愛之意已止。漏結之情已解。諸根已定生死已斷。

Kim giả si ái chi ý dĩ chỉ. Lậu kết chi tình dĩ giải. Chư Căn dĩ định sinh tử dĩ đoạn.

Ngày nay ý ngu yêu đã dừng lại. Tình Phiền não kết buộc đã tháo bỏ. Các Căn đã Định, sinh chết đã đoạn trừ.

不復轉於五道也。輪即止。於是佛告諸比丘！

Bất phục chuyển ư Ngũ-đạo dã, luân tức chi. Ư thị Phật cáo chư Tì-kheo !

Không luân chuyển trở lại trong 5 Đạo : Trời, Người, A Tu La, Địa ngục, Quỷ đói, Súc sinh.

Luân hồi tức thì dừng lại. Lúc đó Phật bảo các Tì Kheo !

世間有二事墮邊行。行道弟子捨家者。終身不當與從事。

Thế gian hữu nhị sự đọa biên hành. Hành đạo Đệ-tử xả gia giả. Chung thân bất đương dữ tông sự.

Thế gian có 2 việc đọa xuống hành ven rìa biên. Đệ Tử tu hành Đạo bỏ gia đình. Suốt đời không nên hoàn toàn theo sự việc.

何等二 ? 一為念在貪欲無清淨志。

Hà đẳng nhị ? Nhất vi niệm tại tham dục vô thanh tịnh chí.

Thế nào là 2 ? Một là sống nhớ tham dục, ý chí không Thanh tịnh

二為著身愛不能精進。是故退邊行。

Nhị vi y trước thân ái bất năng Tinh-tiến. Thị cố thoái biên hành.

Hai là ý lại nương nhờ yêu quý thân, không thể Tinh tiến. Vì thế thoái lui hành ven rìa biên.

不得值佛道德具人。若此比丘不念貪欲著身愛行，可得受中。

Bất đắc trực Phật Đạo Đức cụ nhân. Nhược thử Tì-kheo bất niệm tham dục trước thân ái hành, khả đắc thụ trung.

Không được trực tiếp gặp Phật người đầy đủ Đạo Đức. Nếu Tì Kheo này không nhớ tham dục, nương nhờ, thực hành yêu quý thân, có thể được nhận ở giữa.

如來最正覺得眼得慧。從兩邊度自致泥洹。

Như Lai Tối Chính-giác đắc nhãn đắc tuệ. Tông lưỡng biên độ tự trí Nê-hoàn.

Như Lai Tối Chính Giác được mắt được Trí tuệ. Từ hai ven rìa biên vượt qua, tự chuyển tới Thanh tịnh Niết Bàn.

何謂受中 ? 謂受八直之道。一曰正見，二曰正思。

Hà vị thụ trung ? Vị thụ Bát trực chi Đạo. Nhất viết Chính-kiến, nhị viết Chính-tư.

Thế nào gọi là nhận ở giữa ? Gọi là nhận 8 Đạo ngay thẳng. Một là Nhìn thấy đúng, hai là Suy nghĩ đúng.

三曰正言，四曰正行，五曰正命。

Tam viết Chính-ngôn, tứ viết Chính-hạnh, ngũ viết Chính-mệnh.

Ba là Lời nói đúng, bốn là Đức hạnh đúng, năm là Mệnh đúng.

六曰正治，七曰正志，八曰正定。

Lục viết Chính-trì, thất viết Chính-chí, bát viết Chính-định.

Sáu là Nghiên cứu đúng, bảy là Ý chí đúng, tám là Ý Định đúng.

若諸比丘本末聞道。當已知甚苦為真諦。

Nhược chư Tì-kheo bản mạt văn Đạo. Đương dĩ tri thậm khổ vi chân đế.

Nếu các Tì Kheo nghe Đạo từ gốc tới ngọn. Cần biết rất rõ Khổ là chân thực.

已一心受眼受禪思受慧見覺所念令意解。

Đĩ nhất tâm thụ nhãn thụ Thiên tư, thụ tuệ kiên giác sở niệm linh ý giải.

Đã nhất tâm nhận, mắt nhận, tư duy tĩnh lặng, nhận Trí tuệ, nhìn thấy, cảm giác có ý nghĩ giúp hiểu ý.

當知甚苦習盡為真諦。已受眼觀禪思慧見覺所念令意解。

Đương tri thậm Khổ-tập tận vi chân đế. Dĩ thụ nhãn quan Thiền tư tuệ kiến giác sở niệm linh ý giải.

Nên biết thâm sâu Tập tính Khổ là chân thực tận cùng. Đã nhận, mắt quan sát, tư duy tĩnh lặng, Trí tuệ nhìn thấy, cảm giác.

如是盡真諦。何謂為苦？謂生老苦，病苦憂悲惱苦。

Như thị tận chân đế. Hà vị vi khổ? Vị sinh lão khổ, bệnh khổ ưu bi não khổ.

Chân thực tận cùng như thế. Thế nào gọi là Khổ? Gọi là Khổ do sinh già, Khổ do bệnh tật, Khổ do lo âu đau thương sâu não.

怨憎會苦所愛別苦求不得苦。要從五陰受盛為苦。

Oán tăng hội khổ, sở ái biệt khổ, cầu bất đắc khổ. Yếu tông Ngũ-âm thụ thịnh vi khổ.

Khổ do gặp nhau oán ghét, Khổ do được yêu thương ly biệt, Khổ do cầu mong không được. Chủ yếu theo 5 Uẩn thụ nhận nhiều bị Khổ.

何謂苦習？謂從愛故而令復有樂性。

Hà vị Khổ-tập? Vị tông ái cố nhi linh phục hữu lạc tính.

Thế nào là Tập tính Khổ? Gọi là cố từ yêu mà lại làm cho có tính vui sướng.

不離在在貪熹。欲愛色愛不色之愛。是習為苦。

Bất ly tại tại tham hí. Dục ái sắc ái bất sắc chi ái. Thị tập vi khổ.

Không rời bỏ sống nơi tham vui sướng. Yêu tham dục, yêu thân sắc, yêu không phải thân sắc. Đó là Tập tính Khổ.

何謂苦盡？謂覺從愛復有所樂。婬念不受。

Hà vị khổ-tận? Vị giác tông ái phục hữu sở lạc. Dâm niệm bất thụ.

Thế nào gọi là hết tận Khổ? Gọi là cảm thấy từ yêu, lại có được vui sướng. Nhớ dâm dục không được thụ hưởng

不念無餘無婬。捨之無復禪。如是為習盡。

Bất niệm vô dư vô dâm. Xả chi vô phục Thiền. Như thị vi Tập-tận.

Không nhớ không khác không dâm dục. Buông bỏ không có, trở lại tĩnh lặng. Như thế là hết tận Tập tính.

何謂苦習盡欲受道？謂受行八直道。

Hà vị Khổ-tập tận dục thụ Đạo? Vị thụ hành Bát trực Đạo.

Thế nào là hết tận Tập tính Khổ muốn thụ nhận Đạo? Gọi là nhận tu hành 8 Đạo ngay thẳng.

正見，正思，正言，正行，正命，正治，正志，正定。

Chính-kiến, Chính-tư, Chính-ngôn, Chính-hạnh, Chính-mệnh, Chính-trì, Chính-chí, Chính-định.

Nhìn thấy đúng, Tư duy đúng, Lời nói đúng, Đức hạnh đúng, Mệnh đúng, Nghiên cứu đúng, Ý chí đúng, Ý Định đúng.

是為苦習盡受道真諦也。又是比丘！苦為真諦。

Thị vi Khổ-tập tận thụ Đạo chân đế dã. Hựu thị Tì-kheo ! Khổ vi chân đế.

Đó cũng là hết tận Tập tính Khổ nhận Đạo chân thực. Lại nữa Tì Kheo ! Khổ là chân thực.

苦由習為真諦。苦習盡為真諦。苦習盡欲受道為真諦。

Khổ do tập vi chân đế. Khổ tập tận vi chân đế. Khổ tập tận dục thụ đạo vi chân đế.

Khổ do Tập tính là chân thực. Hết tận Tập tính Khổ là chân thực. Hết tận Tập tính Khổ muốn thụ nhận Đạo là chân thực.

若本在昔未聞是法者。當受眼觀禪行受慧見受覺念令意得解。

Nhược bản tại tích vị văn thị Pháp giả. Đương thụ nhãn quan Thiền hành thụ tuệ kiến thụ giác niệm linh ý đắc giải.

Do vốn dĩ sống trước đây chưa nghe được Pháp đó. Cần thu nhận, mắt quan sát, tĩnh lặng tu hành, nhận Trí tuệ, nhìn thấy, cảm thấy, suy niệm giúp cho ý hiểu được.

若令在斯未聞是四諦法者。當受道眼受禪思受慧覺令意行解。

Nhược linh tại tư vị văn thị Tứ-đế Pháp giả. Đương thụ đạo nhãn thụ Thiền tư, thụ tuệ giác linh ý hành giải.

Hoặc giúp cho ở nơi này chưa được nghe Pháp 4 Thánh đế đó. Cần thu nhận Đạo, mắt thu nhận, tư duy tĩnh lặng, thu nhận Trí tuệ, cảm giác giúp ý hiểu tu hành.

若諸在彼不得聞是四諦法者。

Nhược chư tại bỉ bất đắc văn thị Tứ-đế Pháp giả.

Nếu mọi nơi họ ở không được nghe Pháp 4 Thánh đế đó.

亦當受眼受禪受慧受覺令意得解。是為四諦三轉合十二事。

Diệc đương thụ nhãn thụ Thiền thụ tuệ thụ giác linh ý đắc giải. Thị vi Tứ-đế Tam chuyển hợp thập nhị sự.

Cũng cần nhận, mắt thu giữ, tư duy tĩnh lặng, thu nhận Trí tuệ, cảm giác, giúp ý hiểu được. Đó là 4 Thánh đế 3 lần chuyển hợp thành 12 việc.

知而未淨者吾不與也。一切世間諸天人民，若梵若魔沙門梵志。

Tri nhi vị tịnh giả Ngô bất dữ dã. Nhất thiết Thế-gian chư Thiên Nhân dân, nhược Phạm nhược Ma, Sa-môn Phạm-chí.

Biết mà chưa Thanh tịnh, Ta cũng không ban cho. Tất cả Thế gian các Trời nhân dân, là Phạm hay Ma, Sa Môn, Phạm chí.

自知證已受行戒定慧解度知見成。是為四極。

Tự tri chứng dĩ thụ hành Giới Định Tuệ giải độ Tri-kiến thành. Thị vi Tứ-cực.

Tự biết đã chứng nghiệm nhận tu hành Giới Định Tuệ, tháo bỏ vượt qua Thấy biết thành công. Đó là 4 tối cao.

是生後不復有。長離世間無復憂患。佛說是時。

Thị sinh hậu bất phục hữu. Trường ly Thế-gian vô phục ưu hoạn. Phật thuyết thị thời.

Sau sinh không trở lại Có. Rời xa Thế gian lâu dài, lo âu hoạn nạn không quay trở lại. Khi Phật nói điều đó.

賢者阿若拘鄰等及八千姪天。皆遠塵離垢諸法眼生。

Hiền giả A-nhã câu-lân đấng cấp bát thiên cai Thiên. Giai viễn trần ly cấu chur Pháp-nhãn sinh.
Hiền giả A Nhã Câu Lân cùng với 8 nghìn vạn vạn Trời. Đều rời xa Phiền não sinh các Pháp Bồ Tát.

其千比丘漏盡意解皆得阿羅漢。

Kỳ thiên Tì-kheo Lậu-tận ý giải giai đắc A-la-hán.

Nghìn Tì Kheo đó hết Phiền não ý hiểu đều được quả A La Hán.

及上諸習法應當盡者一切皆轉。眾祐法輪聲三轉。

Cấp thượng chur tập Pháp ứng đương tận giả nhất thiết giai chuyển. Chúng hựu Pháp-luân thanh Tam-chuyển.

Cùng với như trên các Pháp Tập tính cần phải hết tận, tất cả đều chuyển. Các Thần 3 lần chuyển âm thanh Pháp luân.

諸天世間在法地者莫不遍聞。

Chư Thiên Thế-gian tại Pháp địa giả mạc bất biến văn.

Các Trời Thế gian ở nơi được Pháp, đều cùng biến tỏ ra nghe được.

至于第一四天王忉利天焰天兜術天。

Chí vu đệ nhất Tứ Thiên-vương, Đao-lợi Thiên, Diệm-Thiên, Đâu-thuật Thiên.

Tới tầng Trời thứ nhất 4 Thiên Vương, Trời Đao Lợi, Trời Diệm Ma, Trời Đâu Thuật.

不驕樂天化應聲天。至諸梵界須臾遍聞。

Bất-kiêu-lạc Thiên, Hóa-ưng-thanh Thiên. Chí chư Phạm-giới tu du biến văn.

Trời Bất Kiêu Lạc, Trời Hóa Ứng Thanh. Tới Thế giới Phạm chốc lát biến tỏ ra nghe được.

爾時佛界三千日月萬二千天地皆大震動。是為佛眾祐。

Nhĩ thời Phật giới Tam-thiên Nhật Nguyệt vạn nhị thiên Thiên địa, giai đại chấn động. Thị vi Phật chúng hựu.

Khi đó Thế giới Phật, Ba nghìn Thế giới, mặt Trời mặt Trăng, vạn Hai nghìn Thế giới Trời Đất, đều chấn động lớn.

始於波羅奈以無上法輪轉未轉者。

Thủy ư Ba-la-nại dĩ Vô-thượng Pháp-luân chuyển vị chuyển giả.

Xưa ở Ba La Nại dùng bánh xe Pháp Bình Đẳng chuyển chưa chuyển.

照無數度諸天人從是得道。佛說是已皆大歡喜。

Chiếu vô số độ chư Thiên-nhân tòng thị đắc Đạo. Phật thuyết thị dĩ, giai đại hoan hỉ.

Chiếu vô số cứu độ các người Trời, từ đó được Đạo. Phật nói xong điều đó đều rất vui mừng.

佛說轉法輪經

Phật thuyết chuyển Pháp-luân Kinh

Kinh Phật nói Chuyển bánh xe Pháp.

=====

Chuyển Pháp Luân Kinh

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>
Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiến Huyền Phiên Âm.
Phật Tử Bùi Đức Huệ dịch 9/2010.
